TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2020
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đức Phượng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nay H'Chim
2. Ông Siu Tơ Lul

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/ TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 19xx (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Mỹ T, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 19xx (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố xxx, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai.
Có người đại diện theo pháp luật là bà Cao Thị D, sinh năm 19xx (vắng mặt); Địa chỉ: xx Trần Hưng Đ, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 03 năm 2020, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai ngày 18/8/2006. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh T bị bệnh tâm thần, nhiều lúc lên cơn la

mắng đánh chị và con, chị đã cố gắng chịu đựng và tìm cách chữa bệnh cho anh T nhưng bệnh tình anh T không thuyên giảm, đến nay anh T không còn biết gì nữa, chị sợ vợ chồng tiếp tục chung sống thì ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của chị và các con. Anh T đã bị Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 01/2020/QĐST-DS ngày 21/02/2020. Từ năm 2013 cho đến nay, chị và anh T không còn sống chung với nhau. Chị về nhà mẹ ở còn anh T ở cùng mẹ là bà Cao Thị D. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 24/5/2006, Nguyễn Trọng Đức H, sinh ngày 27/02/2014. Từ khi chị và anh T không sống chung với nhau, hai con đều do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng do đó chị yêu cầu tiếp tục được nuôi hai cháu N và H. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo pháp luật cho bị đơn anh Nguyễn Văn T là bà Cao Thị D có đơn yêu cầu và đơn xin vắng mặt của bà Cao Thị D thể hiện ý kiến:

Anh Nguyễn Văn T đã bị Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 01/2020/QĐST-DS ngày 21/02/2020. Bà là mẹ đẻ và là người giám hộ của anh T. Anh T và chị L có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Chư S tuy nhiên từ khi anh T bị phát bệnh tâm thần nặng, cách đây 06 năm thì chị L và anh T không sống chung với nhau. Chị L dẫn các con ra ở riêng để đảm bảo sinh hoạt và cuộc sống cho các con. Nay chị L làm đơn xin ly hôn và được nuôi cả hai con thì bà là người đại diện theo pháp luật của anh T đồng ý với các yêu cầu của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì. Đối với bị đơn Nguyễn Văn T là người mất năng lực hành vi dân sự và bà Cao Thị D là người đại diện theo pháp luật có đơn yêu cầu và đơn xin vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và bà D là hợp lý.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 36, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 24/5/2006, Nguyễn Trọng Đức H, sinh ngày 27/02/2014 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi

mình. Về phần tài sản chung và nợ chung: Miễn xét; Về án phí: Buộc chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 14 tháng 4 năm 2020, chị Nguyễn Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Cùng với đơn khởi kiện chị L đã nộp kèm các tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đầy đủ; Anh Nguyễn Văn T có người đại diện theo pháp luật là bà Cao Thị D có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố xx, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T là người mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 01/2020/QĐST-DS ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai có người đại diện theo pháp luật là bà Cao Thị D (Bà D là mẹ đẻ của anh T) có đơn xin vắng mặt ngày 21/4/2020. Do đó Tòa án căn cứ vào Khoản 1 Điều 87 và khoản 1 Điều 88, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T và bà Cao Thị D là đúng theo quy định của Pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 18/8/2006 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Chư S, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, trên cơ sở tự nguyện không ai cưỡng ép hay ép buộc, cho nên Hội đồng xét xử xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Chị L cho rằng vợ chồng sống chung không hạnh phúc nguyên nhân do anh T bị bệnh tâm thần nhiều lúc lên cơn la mắng đánh chị và con, chị đã cố gắng chịu đựng và tìm cách chữa bệnh cho anh T nhưng bệnh tình anh T không thuyên giảm, đến nay anh T không còn biết gì nữa, chị sợ vợ chồng tiếp tục chung sống thì ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của chị và các con. Anh T đã bị Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 01/2020/QĐST-DS ngày 21/02/2020. Từ năm 2013 cho đến nay, chị và anh T không còn sống chung với nhau. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Đồng thời người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Cao Thị D có đơn xin vắng mặt đề ngày 21/4/2020 thể hiện đồng ý với yêu cầu của chị L và công nhận anh T và chị L đã không còn sống chung. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 24, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con Chung:

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 24/5/2006, Nguyễn Trọng Đức H, sinh ngày 27/02/2014. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị L và anh T không sống chung với nhau thì hai con đều do chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc. Đồng thời bà D là người đại diện theo pháp luật của anh T đồng ý với yêu cầu của chị L. Do đó căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao 02 cháu Nguyễn Thị Tuyết Nhung, sinh ngày 24/5/2006 và Nguyễn Trọng Đức H, sinh ngày 27/02/2014 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu N và H.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên nên Hội đồng xét xử miễn xét;

[5] Về phần tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lkhông yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét;

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 36, 39, Khoản 1 Điều 87 và khoản 1 Điều 88, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 22 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Giao 02 cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 24/5/2006 và Nguyễn Trọng Đức H, sinh ngày 27/02/2014 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và về vay nợ: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung vào Công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 00028xx ngày 16/04/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/7/2020), Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký và đóng dấu)

Vương Đức Phượng

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Uỷ ban nhân dân thị trấn Chư Sê;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê;
- Lưu hồ sơ.